

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000)
Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội về việc Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 4238/UBND-XDND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai các Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) các khu chức năng trong khu kinh tế Vân Phong;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh;

Căn cứ Văn bản số 2729-CV/TU ngày 31/10/2023 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ công tác lập, điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 5242/BXD-QHKT ngày 15/11/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 8) thuộc KKT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Văn bản số 01/BXD-QHKT ngày 02/01/2024 của Bộ Xây dựng về việc nội dung tiếp thu giải trình QHPK Phân khu 8 thuộc KKT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Văn bản số 641/UBND-XDND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh về việc tiếp thu, giải trình dự thảo nghị quyết thông qua đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 17/01/2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tại Tờ trình số 163/TTr-KKT ngày 23/01/2024 về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh và Báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch số 352/BC-SXD ngày 25/01/2024 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh với các nội dung chính như sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh.

II. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch:

Khu vực quy hoạch là toàn bộ diện tích phân khu 08 trong đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với tổng diện tích khoảng 6.631 ha thuộc các xã Vạn Thọ, Vạn Phước, Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Long, Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa bao gồm: khu vực đất liền khoảng 5.299,33 ha (trong đó có 1.553 ha khu vực dự kiến lấn biển), vùng mặt nước biển khoảng 1.331,67 ha để nghiên cứu không gian (ranh giới, diện tích khu vực biển thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các quy định pháp luật ngành liên quan). Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch phân khu có phạm vi ranh giới giáp tứ cận như sau:

- Phía Bắc: giáp vùng đồi núi xã Vạn Phước, xã Vạn Thọ;
- Phía Nam: giáp vịnh Vân Phong;
- Phía Đông: giáp vịnh Vân Phong và bán đảo Hòn Gôm;
- Phía Tây: giáp đồi núi xã Vạn Thắng.

III. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch:

1. Mục tiêu:

- Phát triển khu vực theo định hướng tại Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, theo đó cấu trúc phát triển không gian tổng thể khu vực Bắc Vân Phong, các hoạt động nuôi trồng thủy sản ven bờ sẽ từng bước được chuyển đổi và thay thế. Dải đất đầm lầy nuôi trồng được chuyển thành các khu vực có thể xây dựng đô thị cũng như các không gian cây xanh công viên, công cộng ven bờ vịnh. Tổ chức các trung tâm dịch vụ công cộng ven biển để làm tăng giá trị chung của toàn khu vực.

- Phát triển khu vực theo định hướng của Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt theo Quyết định số 298/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 27/3/2023;

- Thu hút các nguồn đầu tư và có kế hoạch phân bổ nguồn đầu tư một cách có hiệu quả cho quá trình phát triển đô thị, góp phần tăng tỉ lệ đô thị hóa góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực;

- Bố trí sử dụng đất đa năng trong mỗi khu vực để đảm bảo tính bền vững và sự sống động hấp dẫn cho mỗi khu vực, hạn chế các khu vực cao cấp khép kín trong hàng rào ở tỷ lệ hợp lý và hiệu quả.

- Tạo các không gian xanh lớn, vừa có giá trị cảnh quan cũng như dự phòng các trường hợp mưa lũ, đủ để tạo giá trị cảnh quan và đảm bảo chất lượng môi trường, tăng giá trị chung và yếu tố đặc thù của khu đô thị ven vịnh.

- Là khu đô thị gần kề sân bay, đáp ứng nhu cầu phát triển đa chức năng cao cấp, thương mại dịch vụ, trung tâm nghiên cứu, cảng hàng không, bến thủy phi cơ, tổ chức hội nghị hội thảo, du lịch kết hợp đô thị biển, công viên chuyên đề, du lịch công cộng.

- Làm cơ sở pháp lý thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông và thực hiện quản lý xây dựng theo quy hoạch.

2. Tính chất: Khu đô thị, dịch vụ, tài chính, văn phòng.

IV. Dự báo về quy mô dân số và đất đai:

- Dân số: Dự báo khoảng 122.000 người trong đó khoảng 107.200 dân số thường trú và khoảng 14.800 dân số quy đổi.

- Đất xây dựng các khu chức năng có quy mô khoảng 3.985,33 ha; Khu đất nông nghiệp và chức năng khác có quy mô khoảng 1.314 ha.

V. Nội dung chính của đồ án quy hoạch:

1. Các chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật:

1.1. Sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Đất nhóm nhà ở		
	Đất nhóm nhà ở phát triển dân cư xây mới	m ² /người	60,53
	Đất nhóm nhà ở phát triển dân cư đô thị hiện trạng (làng xóm đô thị hóa)	m ² /người	165,29
2	Đất dịch vụ - công cộng (cấp đơn vị ở)	m ² /người	9,07
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng (cấp đơn vị ở)	m ² /người	3,31
4	Đất dịch vụ - công cộng (cấp đô thị)	m ² /người	29,86
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng (cấp đô thị)	m ² /người	11,82
6	Đất giao thông	m ² /người	77,26

1.2. Cấp nước:

TT	Nhu cầu	Dân số (người)/Diện tích (ha)	Tiêu chuẩn	
1	Nước sinh hoạt	107.200 người	150	(l/ng.ngd)
2	Nước tưới cây rửa đường		10%(a)	
3	Nước CTCC		12%(a)	
4	Nước du lịch	3.000 phòng	500	l/phòng
5	Nước công nghiệp, kho bãi	26,25	20	m ³ /ha.ngày

6	Nước dự phòng, rò rỉ		15%(a+b+c+d+e)	
7	Nước cho bản thân nhà máy nước		4%(a+b+c+d+e+f)	

1.3. Thoát nước thải:

TT	Nhu cầu	Dân số (người)/Diện tích (ha)	Tiêu chuẩn	
1	Nước thải sinh hoạt	107.200	150	(l/ng.ngđ)
2	Nước thải công cộng		12%(a)	
3	Nước thải du lịch	3.000 phòng	500	l/phòng
4	Nước thải công nghiệp	26,25	20	m3/ha.ngày

1.4. Chất thải rắn:

TT	Nhu cầu	Dân số (người)/Diện tích (ha)	Tiêu chuẩn	
a	Rác thải sinh hoạt	122.000	1	(kg/người.ngày)
b	Rác thải dịch vụ		12%(a)	
c	Rác thải công nghiệp	26,25	0,30	tấn/ha.ngày

1.5. Cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện cho các khu đô thị và dân cư căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Quy hoạch xây dựng. Cụ thể:

- + Cấp điện sinh hoạt: 0,5 kW/người;
- + Cấp điện công cộng, dịch vụ: 20-120 kw/ha;
- + Cấp điện công nghiệp: 50-250 kw/ha;
- + Cây xanh: 0,5 w/m²;
- + Giao thông: 1 w/m²;

1.6. Thông tin liên lạc:

Đến năm 2040 khu đất quy hoạch định hướng phát triển thành đô thị loại III nên các chỉ tiêu thiết kế được chọn như sau:

- + Thuê bao cố định: 25 thuê bao / 100 dân.
- + Đất nhóm công cộng: 35% nhu cầu sinh hoạt.
- + Đất nhóm quốc phòng: sử dụng mạng cáp quang độc lập.

2. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhóm nhà ở		1.132,02	21,36

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.1	Đất nhóm nhà ở phát triển dân cư đô thị hiện trạng (làng xóm đô thị hóa)	HH	620,94	11,72
1.2	Đất nhóm nhà ở phát triển dân cư xây mới	NN01	511,09	9,64
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ		462,19	8,72
2.1	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở	HHO	66,86	
2.2	Đất hỗn hợp dịch vụ	HHDV	395,32	
3	Đất y tế	YT	22,08	0,42
3.1	Bệnh viện (cấp đô thị)	YT	12,04	0,23
3.2	Trạm y tế (cấp đơn vị ở)	YTO	10,04	0,19
4	Đất văn hóa		27,33	0,52
4.1	Đất văn hóa (cấp đô thị)	TTVH; NVH; NTN	19,25	0,36
4.2	Đất văn hóa (cấp đơn vị ở)	VH	8,09	0,15
5	Đất thể dục thể thao		37,19	0,70
5.1	Đất thể dục thể thao (cấp đô thị)	STT; SVD	20,95	
5.2	Đất thể dục thể thao (cấp đơn vị ở)	SC; SLT	16,24	
6	Đất giáo dục		69,45	1,31
6.1	Trường THPT	PT	17,65	0,33
6.2	Trường THCS	CS	16,90	0,32
6.3	Trường Tiểu học	TH	17,97	0,34
6.4	Trường Mầm non	MN	16,93	0,32
7	Đất cây xanh sử dụng công cộng		184,51	3,48
7.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng (Cấp đô thị)	CX	144,16	2,72
7.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng (Cấp đơn vị ở)	CV	40,35	0,76
8	Đất cây xanh sinh thái	ST	464,16	8,76
9	Đất cây xanh chuyên dụng (Cây xanh cách ly)	CL	148,41	2,80
10	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN	26,25	0,50
11	Đất đào tạo, nghiên cứu	NC	16,14	0,30

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
12	Đất cơ quan, trụ sở	CQ	10,69	0,20
13	Đất khu dịch vụ		330,93	6,24
13.1	Đất dịch vụ	DV	297,45	5,61
13.2	Đất dịch vụ (Chợ cấp đô thị)	TM	8,94	0,17
13.3	Đất dịch vụ (Chợ cấp đơn vị ở)	TMO	24,53	0,46
14	Đất dịch vụ du lịch	DLS	173,38	3,27
15	Đất di tích, tôn giáo	TG	8,42	0,16
16	Đất an ninh	AN	2,21	0,04
17	Đất quốc phòng	QP	5,36	0,10
18	Đất đường giao thông		942,58	18
19	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		89,99	1,70
19.1	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	42,67	0,81
19.2	Đất bãi đỗ xe	BX	36,32	0,69
19.3	Bến xe khách	BXK	11,00	0,21
20	Đất nông nghiệp	NN	520,06	9,81
21	Cảng hàng không	SB	497,15	9,38
22	Đất chưa sử dụng (Đất bằng, Đất đồi núi chưa sử dụng)	DN	89,00	1,68
23	Mặt nước (kênh, rạch, hồ)	MNC	39,81	0,75
Tổng cộng			5.299,33	100,0

Ghi chú:

Bảng cơ cấu sử dụng đất không bao gồm vùng mặt nước biển. Đối với khu vực dự kiến lấn biển thực hiện theo quy định Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo, các quy định khác có liên quan.

3. Bố cục, tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan toàn khu:

- Các khu vực sông rạch hiện trạng kết hợp với hệ thống cây xanh ven sông tạo thành các không gian xanh đô thị không những mang lại giá trị sống cao mà còn góp phần thoát nước tốt cho khu vực;

- Bên cạnh phát triển các khu ở mới tiện nghi, cao cấp. Các khu vực dân cư hiện trạng được cải tạo, hình thành nên yếu tố bản địa, giữ nét văn hóa hiện có, xóa bỏ ranh giới mới – cũ, phát triển hài hòa trên tổng thể đô thị. Ngoài các công trình công cộng hiện hữu, phát triển mới hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ, bố trí phù hợp với từng chức năng công trình;

- Bố trí các công trình dịch vụ, dọc theo trục đường kết nối với cảng

hàng không, như một trục cửa ngõ của đô thị.

- Khu vực quy hoạch được phân làm 11 tiểu khu:

- + Tiểu khu 1,2: Khu trung tâm thương mại dịch vụ, dân cư cao cấp mật độ cao. Công trình tạo điểm nhấn là các công trình thương mại dịch vụ được bố trí dọc trục ven biển. Các nhóm nhà ở được tổ chức theo hình bàn cờ xung quanh các mảng xanh, tạo được sự ngăn nắp mà lại không cứng nhắc như đặc thù của các khu đô thị bàn cờ;

- + Tiểu khu 3 đến 10: Khu đô thị mới kết hợp với các khu dân cư hiện hữu ven biển đã được hình thành từ lâu, vừa mang các nét đặc trưng của đô thị truyền thống, vừa đảm bảo đầy đủ tiện nghi đô thị;

- + Tiểu khu 11: Là khu vực sân bay kết hợp với các loại hình dịch vụ hàng không, được xem như là khu vực cửa ngõ kết nối Khu kinh tế với các tỉnh khác trong nước và quốc tế.

- Các công trình kiến trúc điểm nhấn phải thực hiện đầy đủ quy trình lấy ý kiến cộng đồng và thỏa thuận với các cơ quan có liên quan trước khi phê duyệt quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, kiến trúc, xây dựng; hệ thống công trình điểm nhấn chia làm 02 nhóm, gồm:

- + Công trình điểm nhấn về chiều cao: Nằm trong khu vực được xác định là khu đô thị trung tâm, tiếp giáp cảnh quan đẹp, có tầm nhìn thuận lợi hoặc các khu vực tiếp giáp các tuyến đường lớn.

- + Các khu vực điểm nhấn có giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, giá trị cảnh quan đặc sắc.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội:

4.1. Định hướng khu vực phát triển dân cư:

- Bảo tồn và phát huy cấu trúc các nhóm nhà ở hiện hữu, kết hợp chỉnh trang cải tạo, nâng cấp, đồng bộ cảnh quan trong toàn khu vực;

- Các khu vực phát triển mới: Phát triển theo hướng đô thị xanh hiện đại, tiện nghi, hài hòa với không gian cảnh quan đô thị, đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực;

- Các khu tái định cư: phương án bố trí các theo Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, các công trình dịch vụ công cộng phục vụ tốt nhất cuộc sống người dân. Ngoài ra tạo không gian xanh, vui chơi giải trí, thương mại dịch vụ, nhằm tạo không gian sống lý tưởng cho dân cư tái định cư.

4.2. Định hướng phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ:

Hình thành mạng lưới các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ,...theo các cấp phục vụ, kết hợp với việc cải tạo và nâng cấp các công trình hiện có, chú trọng đáp ứng nhu cầu diện tích bãi đỗ xe.

4.3. Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, trụ sở:

Bố trí theo Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,

đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

4.4. Định hướng phát triển hệ thống công trình văn hóa:

Cải tạo chỉnh trang các công trình văn hóa hiện hữu. Xây dựng mới trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi,... theo các cấp phục vụ, đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD.

4.5. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục – đào tạo:

Cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất các công trình giáo dục – đào tạo hiện hữu. Đối với các nhóm nhà ở mới, bố trí quỹ đất xây dựng trường học phổ thông, bố trí hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD.

4.6. Định hướng phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe:

Nâng cấp các bệnh viện và cơ sở y tế hiện có, xây dựng mới các cơ sở khám chữa bệnh, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người làm việc và nhân dân đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD.

4.7. Định hướng phát triển hệ thống cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước:

Nâng cấp hệ thống công trình thể dục thể thao hiện hữu, xây dựng mới các trung tâm thể dục thể thao theo các cấp phục vụ, đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD. Phát triển hệ thống cây xanh theo tầng bậc, gắn kết với các khu trung tâm đô thị, các tiểu khu, ven biển, dọc sông. Xây dựng các công viên vui chơi giải trí tại các khu trung tâm, các công viên chuyên đề nâng cao chất lượng đời sống người dân.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch san nền:

- Cao độ thiết kế tối thiểu cho khu vực lập quy hoạch là +3,00m.
- Khu vực ven bờ biển có cao độ thấp, địa hình tương đối bằng phẳng, nguy cơ ngập úng cao do sóng và thủy triều. Do đó, cần được tôn cao nền để đảm bảo an toàn ngập lụt. Công tác tôn cao nền cần kết hợp với quy hoạch cao độ nền để tạo bề mặt địa hình thuận lợi cho công tác thoát nước mặt.
- Đối với các khu vực có nền đất hiện trạng cao ráo, an toàn ngập lụt, giải pháp quy hoạch cao độ nền là bám sát địa hình tự nhiên kết hợp san lấp cục bộ để thuận lợi cho việc thu gom và tiêu thoát nước mặt.
- Đối với các khu vực dân cư hiện trạng, tôn cao nền theo từng giai đoạn đến khi đạt cao độ thiết kế tối thiểu +3,00m. Trong quá trình tôn cao nền, có thể kết hợp tổ chức đê bao và trạm bơm để đảm bảo thoát nước, tránh ngập úng cục bộ.
- Các trục đường theo phương dọc hướng về phía biển được tổ chức như các trục tụ thủy, thu gom và vận chuyển nước mưa thoát ra biển.
- Các trục đường theo phương ngang được tổ chức hướng dốc thay đổi luân phiên và liên tục, thấp dần về phía các trục dọc để thuận tiện cho việc thu

gom nước mưa.

- Phần lớn khu vực quy hoạch là đất đai giáp biển và đất lấn biển có cao độ nền thấp, dễ bị ảnh hưởng bởi thủy triều, sóng và biến đổi khí hậu – nước biển dâng. Để đảm bảo khả năng kết nối giao thông cũng như tổ chức bề mặt thuận lợi cho xây dựng, cần san lấp với khối lượng công tác đất lớn.

5.2. Quy hoạch giao thông:

5.2.1. Giao thông đối ngoại:

a. Đường hàng không:

- Vị trí Cảng Hàng không Vân Phong đề xuất đặt tại xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Hạ tầng giao thông kết nối đến Cảng Hàng không Vân Phong gồm mạng lưới đường bộ, 01 tuyến đường sắt trên cao, 01 tuyến đường sắt mặt đất.

b. Đường sắt: Đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh hiện hữu có khổ đường ray 01 m, chạy xuyên suốt chiều dài Khu đô thị Cổ Mã - Tu Bông.

- Trong phạm vi khu vực quy hoạch có 01 nhà ga là Ga Tu Bông, được định hướng là ga hỗn hợp.

c. Đường thủy:

Tổ chức 01 bến thủy nội địa Hải Triều Vạn Thọ, có chức năng vận chuyển tổng hợp, tiếp nhận tàu chở hàng có quy mô 100 tấn và tàu chở khách có sức chứa 60 khách.

d. Đường bộ:

- Cao tốc Bắc - Nam đoạn Vân Phong – Nha Trang: Giáp ranh phía Bắc khu vực quy hoạch. Các vị trí giao cắt giữa đường cao tốc với mạng lưới giao thông đô thị được tổ chức khác mức;

- Quốc lộ 1: đoạn qua khu vực lập quy hoạch đang được Bộ Giao thông vận tải quản lý là 56 m. Việc đấu nối từ hệ thống đường đô thị vào Quốc lộ 1 tuân thủ Quyết định 717/QĐ-UBND năm 2015 phê duyệt Quy hoạch đường ngang vào Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và tuân theo định hướng giao thông tại đồ án quy hoạch chung khu kinh tế Vân Phong. Đường nội khu dự án cần chuyển tiếp qua đường gom trước khi vào các trục chính đô thị để kết nối vào Quốc lộ 1.

5.2.2. Giao thông nội vùng Khu kinh tế Vân Phong:

a. Đường sắt đô thị:

- Tuyến đường sắt đô thị có chiều dài khoảng 32 km, kết nối từ Khu đô thị Cổ Mã Tu Bông (phân khu 08) đến Trung tâm cảng biển Đàm Môn (phân khu 03). Trong đó đoạn qua phân khu 08 có chiều dài khoảng 14 km đi trên ĐT651 và đường H1. Vị trí ga thuộc phân khu 08 đặt tại Khu đất Hạ tầng kỹ

thuật, trên đường H1, khu vực trước Cảng hàng không Vân Phong. Chiều cao đường sắt đảm bảo tĩnh không theo tiêu chuẩn giao thông đường bộ hiện hành;

b. Đường sắt mặt đất:

- Quy hoạch 01 tuyến đường sắt đi trên ray bố trí ngang mặt đường, chạy dọc theo dải phân cách giữa trên đường M5. Tuyến bắt đầu từ Cảng hàng không Vân Phong đến Khu đô thị Tuần Lễ Hòn Ngang.

- Giao cắt giữa tuyến đường sắt mặt đất với đường bộ được tổ chức cùng mức, như các nút giao đường bộ thông thường. Kết hợp bố trí hệ thống đèn tín hiệu ưu tiên cho đường sắt mặt đất.

c. Đường bộ:

- Đường ĐT 651: giáp ranh phía Đông khu vực quy hoạch, kết nối khu vực quy hoạch với các khu đô thị ở phía Nam bán đảo Hòn Gốm. Theo quy hoạch chung giao thông của đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Phong, tuyến đường được quy hoạch với lộ giới 75 m. Đồ án quy hoạch phân khu tuân thủ định hướng, xác định tuyến đường ĐT651 có lộ giới 75 m, bao gồm vỉa hè mỗi bên 10-11 m, phần lòng đường rộng 55 m;

- Đường ĐT 651C (Nguyễn Huệ): chạy xuyên suốt khu vực quy hoạch, kết nối đường ĐT 651 ở phía Đông khu vực quy hoạch với thị trấn Vạn Giã. Đoạn qua khu vực quy hoạch có 2 lộ giới là 36 m (5-26-5 m) và 26m (4-18-4 m);

- Đường ĐT 651B (đường Ven biển): bắt đầu từ QL1 chạy dọc theo ranh phía Tây Nam khu vực quy hoạch đến trước Cảng Hàng không Vân Phong, sau đó chạy cập ranh cảng hàng không Vân Phong về hướng Vạn Ninh. Đường được quy hoạch lộ giới 42m (đoạn cập ranh phía Tây khu vực quy hoạch), 60m (đoạn trước cảng hàng không Vân Phong), 26m (đoạn còn lại).

5.2.3. Giao thông đô thị:

a. Đường chính đô thị:

- Đường H1: Bắt đầu từ đường V8 đến ĐT 651. Là trục chính xuyên suốt phân khu 08, liên kết các đơn vị ở và liên kết đối ngoại đến các khu đô thị ở phía Nam bán đảo Hòn Gốm. Đường được quy hoạch với lộ giới 55m, tổ chức đường sắt đô thị đi trên cao bố trí dọc theo dải phân cách rộng 5m, 4 phần xe chạy riêng biệt dành cho phương tiện có tốc độ và nhu cầu tiếp cận khác nhau, chiều rộng 7.5 – 10.5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5 m;

- Đường V2, V3, V4, V5, V7 có lộ giới 44 m, với vỉa hè mỗi bên rộng 6 m, dải phân cách giữa rộng 4 m, phần xe chạy rộng 28 m, tổ chức 8 làn xe;

- Đường V6 có lộ giới 55 m, với vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, 03 dải phân cách rộng 2-5 m, phần xe chạy rộng 36 m, tổ chức 10 làn xe;

- Đường V8 có lộ giới 60 m, với vỉa hè mỗi bên rộng 5.5 m, 03 dải phân cách rộng 2-5m, phần xe chạy rộng 40 m, tổ chức 10-12 làn xe.

b. Đường chính khu vực và đường khu vực:

- Đường M5: chạy dọc bờ biển phía Nam khu vực quy hoạch, có vai trò chuyển tiếp nhu cầu giao thông đến cảng hàng không Vân Phong và ngược lại. Ngoài ra, tuyến có chức năng đối ngoại, liên kết với khu đô thị Tuần Lễ Hòn Ngang. Đường được quy hoạch với lộ giới 47 m, bao gồm vỉa hè mỗi bên 4.5 m, phần lòng đường rộng 22 m có 3 dải phân cách rộng 2-12 m. Dọc theo dải phân cách giữa của đường M5 có tổ chức tuyến đường sắt mặt đất nhằm tăng cường phương thức kết nối với cảng hàng không;

- Đường M1, M3, M4: là các trục chính khu vực liên kết các khu chức năng theo phương ngang. Quy mô mặt cắt ngang 36 m: vỉa hè mỗi bên 5 m, lòng đường 26 m;

- Đường N1, N2: là các trục chính khu vực liên kết các khu chức năng theo phương dọc. Quy mô mặt cắt ngang 26-36 m: vỉa hè mỗi bên 4-5 m, lòng đường 18-26 m;

- Hệ đường khu vực còn lại gồm các tuyến đường có lộ giới 26 m, phân bố theo dạng ô cờ, liên kết các bộ phận đất đai ở cự ly ngắn. Đường khu vực được tổ chức mặt cắt ngang với vỉa hè rộng 4 m, phần xe chạy rộng 8 m.

c. Đường phân khu vực:

- Đường phân khu vực có lộ giới 26 m, có quy mô mặt cắt ngang với vỉa hè mỗi bên rộng 8m, lòng đường rộng 10 m;

- Đường phân khu vực có lộ giới 20 m, có quy mô mặt cắt ngang với vỉa hè mỗi bên rộng 5 m, lòng đường rộng 10 m;

- Mạng lưới đường phân khu vực còn lại gồm các loại đường có lộ giới 16 m, 15 m, 13 m. Phân bố dạng ô cờ. Các đường này có quy mô mặt cắt ngang với vỉa hè mỗi bên rộng 3-3,5 m, lòng đường rộng từ 7-13 m.

d. Nút giao thông:

- Tại các nút giao thông lớn – giao của các tuyến đường cấp đô thị, cấp khu vực cần bố trí đèn tín hiệu hoặc các đảo dẫn hướng;

- Các nút giao cắt giữa các tuyến đường cấp cao với các tuyến đường cấp thấp hơn phải đảm bảo khoảng cách giữa các nút giao từ 250 m trở lên;

- Đối với các đường phố cụt, các điểm quay xe có thể bố trí dạng vòng xuyên hoặc chữ nhật nhưng phải đảm bảo kích thước theo quy chuẩn Việt Nam.

5.2.4. Giao thông tĩnh:

a. Bến xe: Khu vực quy hoạch có bố trí 02 bến xe:

- Bến xe Tuần Lễ: đặt ở giáp ranh phía Đông khu vực quy hoạch, trên đường V1 (ĐT651). Bến xe có diện tích 5ha;

- Bến xe Vạn Giã: đặt ở vị trí góc giao giữa Quốc lộ 1 với đường ĐT651B, sát ranh phía Tây khu vực quy hoạch. Bến xe có diện tích 5.99ha.

b. Bãi đỗ xe:

- Bố trí các bãi đỗ xe công cộng phục vụ nhu cầu dừng đỗ, tiếp cận các công trình công cộng, dịch vụ, thương mại trong đô thị. Ngoài ra, còn bố trí tại không gian ngầm của các công trình cao tầng;

- Ngoài ra, khu vực đất hạ tầng kỹ thuật bố trí trước khu vực Cảng Hàng Không Vân Phong và ga cuối của tuyến đường sắt đô thị, có thể bố trí chức năng đỗ xe phục vụ nhu cầu hành khách sử dụng đường sắt và hàng không.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

5.3.1. Nguồn nước:

- Nguồn nước cấp cho Phân khu 8 sử dụng nguồn từ nhà máy nước Tu Bông (công suất dự kiến đến năm 2030 là 35.000 m³/ngđ, đến năm 2040 là 50.000 m³/ngđ) thông qua đường ống cấp nước D700 từ nhà máy nước Tu Bông ra và các đường ống D600, D500, D400 nằm dọc tuyến đường N5, B15, H1 và đường Quốc lộ 1;

5.3.2. Mạng lưới cấp nước:

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp mạng cụt. Mạng lưới cấp nước khu vực quy hoạch gồm có mạng lưới cấp nước truyền dẫn, mạng lưới cấp nước phân phối khu vực.

- Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường, đường kính ống từ D110 đến D700.

- Bố trí mạng lưới ống cấp đảm bảo lượng cung cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dùng nước hàng ngày và nhu cầu phòng cháy chữa cháy của toàn khu khi cần thiết.

5.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Cấp điện từ hai trạm biến áp 110/22kV là trạm biến áp Vạn Giã 2x63 MVA và trạm biến áp 110/22kV Tu Bông 2x63 MVA;

- Giải pháp cấp điện: tuyến trung thế 22kV đi ngầm cấp cho công trình và phụ tải trong khu vực. Cấp ngầm 22kV đề nghị sử dụng loại cáp đồng có tiết diện 240mm² để đảm bảo an toàn và mỹ quan khu vực quy hoạch. Các tuyến trung thế 22kV bám sát theo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của khu quy hoạch, tuyệt đối đảm bảo tuân thủ hành lang an toàn lưới điện.

5.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn: Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia;

- Các tuyến dây, tuyến cáp đi ngầm kết hợp nội;

- Đầu tư xây dựng hệ thống tủ cáp sẽ được lắp đặt trên vỉa hè, sát tường rào, sát vách công trình hoặc bên trong nhà đối với các công trình hành chính dịch vụ.

5.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Khu vực được quy hoạch 1 hướng thoát nước chính là từ Tây Bắc xuống Đông Nam, thoát nước trực tiếp ra biển hoặc dẫn ra sông trước khi đổ ra biển.

- Mạng lưới thoát nước mưa được thiết kế riêng hoàn toàn với mạng lưới thoát nước thải. Nước mặt trong khu vực được thu dẫn vào hệ thống cống nhánh và cống chính đặt dưới vỉa hè hoặc lòng đường.

- Diện tích lưu vực lớn và hầu như không có kênh rạch phân bố trong khu vực quy hoạch, dẫn đến lưu lượng nước mưa dồn về cuối mạng lưới rất lớn, cần bố trí cống có kích thước lớn để đảm bảo lưu lượng. Tổ chức kênh mương hở tại các khu vực cây xanh có sự liên thông với mạng lưới kênh rạch và sông Tu Bông.

- Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng ga thu trực tiếp, ga thu thăm kết hợp, ga thăm và hệ thống cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép đặt dưới lòng đường hoặc vỉa hè kích thước từ D600 đến B3000x2500.

5.7. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước thải và nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, công trình công cộng, dịch vụ sau khi xử lý cục bộ bên trong công trình được thoát vào các tuyến cống thoát nước thải dự kiến xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch rồi tập trung về các trạm xử lý nước thải theo định hướng quy hoạch.

- Đối với nước thải từ khu vực công nghiệp, kho bãi sẽ được tập trung về trạm xử lý nước thải đặt trong khu vực này.

- Tất cả các hộ gia đình, cơ quan, công trình công cộng..., đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách. Nước thải được thu gom từ các công trình công cộng, các cụm nhà ở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống cống thoát nước thải chung của khu vực.

- Nước thải từ các cơ sở y tế được xử lý sơ bộ các chất độc hại và các chất lây nhiễm, sau đó mới thoát vào hệ thống cống thoát nước thải bên ngoài.

- Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung của khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 1,0m (tính từ đỉnh cống). Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn (từ 9-10m) bố trí các giếng bơm chuyển tiếp.

- Trạm bơm chuyển tiếp sử dụng máy bơm chìm kiểu ướn, phần nhà trạm xây ngầm và có thể kết hợp với giếng thăm để tiết kiệm tích đất và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Hệ thống đường cống thoát nước có đường kính D300-D600 bằng bê tông cốt thép.

5.8. Quy hoạch thu gom và quản lý chất thải rắn:

- Bố trí các thùng rác dọc theo các tuyến đường với khoảng cách mỗi thùng rác từ 100m–150m;
- Rác thải tập kết và thu gom từng khu về điểm các tập kết chất thải rắn, sau đó vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của toàn khu vực.

5.9. Quy hoạch nghĩa trang:

- Tiến hành di dời các mộ phần nằm rải rác trong khu dân cư, nghĩa trang hiện hữu về nghĩa trang tập trung quy hoạch mới.
- Nghĩa trang Dốc Ké (hiện trạng) không mở rộng, dự kiến đóng cửa năm 2030.
- Không xây dựng mới nghĩa trang hung táng trong khu vực đô thị; không mở rộng các nghĩa trang hiện trạng, sử dụng các nghĩa trang theo kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn ngắn hạn.

6. Quy định về không gian ngầm:

- Quy hoạch không gian ngầm đô thị bao gồm: công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm và phần ngầm của các công trình xây dựng. Chú trọng phát triển không gian ngầm tại trung tâm đô thị hỗn hợp hoặc khu vực phát triển kinh tế ban đêm. Việc bố trí không gian và bảo đảm an toàn không gian ngầm phải tuân thủ các quy định của các quy chuẩn hiện hành có liên quan;
- Không gian công trình công cộng ngầm được bố trí tại các lô đất nhà ở cao tầng, đất dịch vụ. Việc xác định quy mô không gian ngầm sẽ được tính toán trong từng công trình phù hợp với chức năng và Quy chuẩn hiện hành. Việc xây dựng công trình ngầm cần phải tuân thủ theo pháp luật hiện hành về quản lý không gian ngầm xây dựng và được xác định cụ thể tại giai đoạn quy hoạch chi tiết.

7. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Môi trường nước: Quy hoạch hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt và thu gom và xử lý tập trung theo quy định đạt tỷ lệ trên 100%.
- Xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, thu gom vận chuyển bằng các thùng kín đảm bảo vệ sinh trước khi chuyển tới khu xử lý chất thải rắn Bắc Vân Phong. Tỷ lệ thu gom đến cuối giai đoạn quy hoạch đạt 100% lượng chất thải rắn sinh hoạt.
- Môi trường không khí: Tổ chức mạng lưới đường giao thông kết hợp dải cây xanh để hạn chế lượng khói bụi, tiếng ồn và ô nhiễm, đảm bảo môi trường không khí trong khu vực quy hoạch đạt yêu cầu theo quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT;
- Bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu;

- Việc giám sát môi trường thường xuyên được thực hiện, tập hợp và báo cáo đến các cơ quan có chức năng để kiểm soát.

VI. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng:

Quản lý quy hoạch xây dựng thực hiện theo Luật Sửa đổi và bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019; đồng thời tuân thủ theo đồ án quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Việc triển khai Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong chịu trách nhiệm về sự đồng bộ giữa Quy hoạch phân khu với các quy hoạch liên quan đã và đang triển khai trên địa bàn khu kinh tế Vân Phong.

Điều 3. Nội dung đồ án quy hoạch phân khu sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sẽ cụ thể hóa phạm vi liên quan của đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu được duyệt, yêu cầu Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện:

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tính pháp lý của các số liệu, tài liệu sử dụng, bản vẽ, hồ sơ để lập Đồ án quy hoạch và nội dung đánh giá hiện trạng, thực trạng phát triển khu vực lập quy hoạch; đảm bảo tuân theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung và phù hợp với các định hướng phát triển Khu kinh tế Vân Phong và quy hoạch chuyên ngành; đảm bảo không nằm trong các khu vực thuộc Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định, các quy định liên quan về quản lý, bảo tồn Vịnh Vân Phong, bảo đảm an ninh, quốc phòng.

- Việc thực hiện quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, nhà ở, môi trường, lâm nghiệp, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các quy định pháp luật khác có liên quan

- Chủ động rà soát hoàn thiện hồ sơ, các nội dung thuyết minh, bản vẽ,

quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch theo đúng quy định trước khi tổ chức công bố công khai theo quy định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh công bố công khai nội dung quy hoạch phân khu được phê duyệt; lưu trữ hồ sơ của đồ án quy hoạch theo quy định.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả thẩm định hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy chuẩn về quy hoạch xây dựng hiện hành và quy định pháp luật có liên quan; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu đô thị du lịch Cổ Mã – Tu Bông (Phân khu 08), huyện Vạn Ninh theo quy định pháp luật.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Du lịch, Văn hóa và Thể thao; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; UBND huyện Vạn Ninh và các đơn vị liên quan quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành và theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Vạn Ninh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, TV, MX. 13

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân



